

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Quang Truyền;**

2. Bà **Võ Thị Trâm.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-DS, ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **L.T.B**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 1/92, tổ 8, ấp A, xã B, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn :* Ông **N.M.T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 2/7, ấp A, xã B, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2022 và bản tự khai ngày 16/02/2022, quá trình thu thập chứng cứ - nguyên đơn bà L.T.B trình bày:**
Bà B và ông N.M.T chung sống từ năm 2000. Không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định, vì bận làm ăn và không am hiểu pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ thời gian đầu, sau khi sinh con tên Nguyễn Lê Mỹ Linh, ngày 26/01/2001 được 08 tháng tuổi thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, gây gổ, chung sống không hạnh phúc. Hiện tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn. Nên bà B vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mỹ Linh, ngày 26/01/2001. Hiện con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông N.M.T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà L.T.B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh N.M.T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà B và ông T. Về con chung: đã trưởng thành không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà L.T.B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông N.M.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L.T.B và ông N.M.T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mỹ Linh, ngày 26/01/2001. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[2,3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: **Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Bà L.T.B và ông N.M.T.**

2. Về con chung: Bà B và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Lê Mỹ Linh, ngày 26/01/2001. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà L.T.B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0020525** ngày **07** tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà B đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND TX Hoà Thành.
- CC.THADS TX Hoà Thành.
- UBND xã Trường Đông
- Các đương sự;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Huỳnh Thị Kim Lành